TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ S** **TỈNH GIA L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 10 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ S, TỈNH GIA L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức P.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thúy A.
2. Ông Đỗ Trí T.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng H, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị N, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc *"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa, các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Bầu Z, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Diệu T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Bầu Z, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình thì anh và chị Lê Thị Diệu T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê, tỉnh Gia L ngày 17/9/2013. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian nhưng vì quan điểm sống khác nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau, cho đến tháng 3/2022 chị T bỏ đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau nữa, bản thân chị trang không làm tròn trách nhiệm của một người vợ người mẹ của các con trong gia đình. Hiện nay vợ chồng đã không còn ai quan tâm đến ai nữa. Xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Anh Nguyễn Hữu T yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với

chị Lê Thị Diệu T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị Diệu T có 04 con chung gồm các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 và Nguyễn Thị Quách T, sinh ngày 29/7/2019. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả bốn con chung, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Diệu Trang trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hữu T

Về con chung: Chị Lê Thị Diệu T và anh Nguyễn Hữu T có 04 con chung gồm các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 và Nguyễn Thị Quách T, sinh ngày 29/7/2019. Chị có nguyện vọng nuôi cháu T, vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Lê Thị Diệu T; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Nguyễn Hữu T; giao Nguyễn Thị Quách T, sinh ngày 29/7/2019 cho chị Lê Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30/3/2023, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn chị Lê Thị Diệu T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T đúng quy định, chị Lê Thị Diệu T có nơi cư trú tại Thôn Bầu Z, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L nên Tòa án nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Diệu T có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị Diệu T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 17/9/2013. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời khai của anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị Diệu T, cả hai đều thừa nhận sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm lẫn nhau nữa, anh chị đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị Diệu T mâu thuẫn xảy ra đã đến mức trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã không cùng sống với nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T, xử cho anh T được ly hôn với chị T.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị Diệu T có 04 con chung gồm các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 và Nguyễn Thị Quách T, sinh ngày 29/7/2019. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả bốn con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi các con. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu T, vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Các cháu Quỳnh A và cháu Trường G có nguyện vọng ở với anh Tuấn.

Tại phiên tòa anh T có trình bày thêm về hoàn cảnh gia đình là hàng ngày anh đi làm thì các con được cha mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng, ngoài ra có thêm người anh trai bị nhiễm chất độc da cam nhẹ, hiện tất cả mọi người đều đang sống tại nhà của cha mẹ anh.

Xét thấy, với hoàn cảnh như hiện nay của anh T thì khó có thể để đảm bảo nuôi cùng một lúc 04 con chung một cách toàn diện được. Trong khi đó, chị T

đang trong độ tuổi lao động và tạo ra thu nhập, việc giao cháu T cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng đó là nghĩa vụ và là trách nhiệm của người làm mẹ, đồng thời đó cũng là sự chia sẻ những khó khăn, vất cả cho anh T và gia đình anh T khi chăm sóc cùng một lúc chăm sóc cả 04 cháu.

Dựa trên các điều kiện kinh tế, hoàn cảnh hiện tại, nguyện vọng của đương sự và ý kiến của Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện Chư S. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả anh T và chị T có sức khỏe đều trong độ tuổi lao động, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con chung thì việc giao các con cho mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc cũng một phần đảm bảo cho việc các bên thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm thăm nom các cháu sau khi anh T và chị T ly hôn được diện ra một cách thường xuyên và đó cũng là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối con cái.

Do vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Nguyễn Hữu T; giao cháu Nguyễn Thị Quách T, sinh ngày 29/7/2019 cho chị Lê Thị Diệu T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228, Điều 266 và điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 21, 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo NghịQuyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Lê Thị Diệu T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2013; cháu Nguyễn Hữu Trường G, sinh ngày 24/02/2015; cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Nguyễn Hữu T; Giao cháu Nguyễn Thị

Quách T, sinh ngày 29/7/2019 cho chị Lê Thị Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002884 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Hữu T đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/10/2023). Bị đơn là chị Lê Thị Diệu T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư S;
- Chi cục THADS huyện Chư S;
- Toà án nhân dân tỉnh Gia L;
- UBND T[2] Chư S, H, Chư S, T. Gia L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vương Đức Phượng